TÓA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 8 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

***- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Quốc Chinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bành Trọng Bình**
Ông **Nguyễn Xuân Quán**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Hoàng Văn Hiệt** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông **Trần Dương Công** – C/v kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2019/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019.

1. Nguyên đơn: Bà **Lang Thị L** – SN: 1968
Nơi ĐHKTT: Thôn 11, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Tạm trú: Số 58 L, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).
2. Bị đơn: Ông **Hoàng Trọng H** – SN: 1968
Địa chỉ: Thôn 11, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lang Thị L trình bày:

Bà L và ông Hoàng Trọng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 tại hợp tác xã Q, xã S, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, bà và ông H có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống bà L, ông H chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu và đã có với nhau 03 con chung Hoàng Thị T – SN: 05/09/1992, Hoàng Trọng T – SN: 01/01/1997, Hoàng Trọng N – SN: 20/01/1998, nhưng thời gian gần đây vợ, chồng

phát sinh nhiêu mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường đánh đập bà, tình trạng này đã kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà thấy tình cảm vợ, chồng không còn nên bà quyết định làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Ea Súp giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Trọng H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung là Hoàng Thị T – SN: 05/09/1992, Hoàng Trọng T – SN: 01/01/1997, Hoàng Trọng N – SN: 20/01/1998 hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, đã có gia đình riêng và có khả năng lao động tự nuôi sống mình, bà với ông H cũng không có con riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Bà và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Hoàng Trọng H trình bày: Ông và bà Lang Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 tại hợp tác xã Q, xã S, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, ông, bà có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu nhưng thời gian gần đây vợ, chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bà L ghen tuông vô cớ. Hiện ông và bà L đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay bà Lang Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý với yêu cầu của bà Lang Thị L.

Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung là Hoàng Thị T – SN: 05/09/1992, Hoàng Trọng T – SN: 01/01/1997, Hoàng Trọng N – SN: 20/01/1998, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm và đã có gia đình riêng, ông và bà L cũng không có con riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Ông và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23 tháng 7 năm 2019 các đương sự đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung chứng cứ gì mới, không yêu cầu độc lập hay yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự không có ý kiến tranh luận gì thêm và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lang Thị L với ông Hoàng Trọng H. Về con chung đều đã trên 18 tuổi, tài sản, công nợ bà L, ông H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lang Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Trọng H nơi cư trú thôn 11, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lang Thị L và ông Hoàng Trọng H đều khẳng định bà L và ông H về chung sống với nhau từ năm 1991 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, UBND xã S, huyện X, tỉnh Thanh Hóa và UBND xã M, huyện E nơi bà L, ông H tổ chức lễ cưới và cư trú đến nay, đều xác nhận bà L, ông H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên bà L và ông H đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống bà L, ông H nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường hay đánh đập, chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến cuối năm 2013 bà L, ông H sống ly thân từ đó cho tới nay. Xét tình cảm, hạnh phúc của bà L, ông H không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa bà Lang Thị L và ông Hoàng Trọng H là quan hệ vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Lang Thị L và ông Hoàng Trọng H có 03 con chung là Hoàng Thị T – SN: 05/09/1992, Hoàng Trọng T – SN: 01/01/1997, Hoàng Trọng N – SN: 20/01/1998, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có khả năng lao động tự nuôi sống mình, bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Bà L, ông H đều đồng ý tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Bà Lang Thị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lang Thị L**,** tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lang Thị L và ông Hoàng Trọng H.

Về con chung: Hoàng Thị T – SN: 05/09/1992, Hoàng Trọng T – SN: 01/01/1997, Hoàng Trọng N – SN: 20/01/1998, hiện nay đã trên 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có khả năng lao động tự nuôi sống mình, bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lang Thị L phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0012614 ngày 03/6/2019.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lưu Quốc Chinh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.